

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 579/1999/QĐ-UB-KT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 01 năm 1997

QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND THÀNH PHỐ
Về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của
Quỹ hỗ trợ nông dân thành phố trực thuộc Hội Nông dân thành phố

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 21 tháng 6 năm 1994 ;
- Căn cứ quyết định số 4905/QĐ-UB-NCVX ngày 23/10/1996 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc thành lập Quỹ hỗ trợ nông dân trực thuộc Hội Nông dân thành phố Hồ Chí Minh ;
- Theo đề nghị của Chủ tịch Hội Nông dân thành phố Hồ Chí Minh và Trưởng Ban Tổ chức Chính quyền thành phố (tờ trình số 250/TCCQ ngày 02/12/1996);

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1.- Nay phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ nông dân trực thuộc Hội Nông dân thành phố kèm theo quyết định này.

Điều 2.- Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3.- Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Trưởng Ban Tổ chức Chính quyền, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nông nghiệp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, quận, (có sản xuất nông nghiệp), Thủ trưởng các đơn vị có liên quan, Chủ tịch Hội Nông dân thành phố chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.-

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
K/T CHỦ TỊCH
Phó Chủ tịch/thường trực
Lê Thanh Hải

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 01 năm 1997

ĐIỀU LỆ
HOẠT ĐỘNG QUỸ HỖ TRỢ NÔNG DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Ban hành kèm theo quyết định số 579/QĐ-UB-KT
ngày 31/01/1997 của Ủy ban nhân dân thành phố)

CHƯƠNG I
ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1.- Quỹ hỗ trợ nông dân trực thuộc Hội Nông dân thành phố, nhằm mục đích giúp đỡ nông dân, trước hết là nông dân nghèo có vốn sản xuất, tạo việc làm, cải thiện đời sống, góp phần thực hiện mục tiêu xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế-xã hội ở nông thôn, làm cho “người nghèo thì đủ ăn, người đủ ăn thì khá giàu, người khá giàu thì giàu thêm”.

Điều 2.- Quỹ hỗ trợ nông dân hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, thực hiện bảo toàn vốn, không hoạt động kinh doanh, được sử dụng con dấu của Hội Nông dân thành phố và mở tài khoản tại Ngân hàng Nông nghiệp ; hoạt động theo chính sách, pháp luật của Nhà nước và quy định của Ủy ban nhân dân thành phố. Tuân thủ các quy định về nghiệp vụ tài chính, quản lý quỹ thông qua Ngân hàng Nông nghiệp.

Điều 3.- Quỹ hỗ trợ nông dân của Hội Nông dân thành phố Hồ Chí Minh có trụ sở tại cơ quan Hội Nông dân thành phố và các Quỹ hỗ trợ nông dân cấp Huyện, Quận, Xã, Phường có văn phòng làm việc tại cơ quan Hội cùng cấp, mở tài khoản giao dịch tại các chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp Huyện, Quận.

CHƯƠNG II
NHIỆM VỤ - QUYỀN HẠN – NGHĨA VỤ
MỤC I : NHIỆM VỤ

Điều 4.- Quỹ hỗ trợ nông dân được thực hiện các nhiệm vụ sau.

4.1- Vận động xây dựng quỹ vốn :

+ Vận động xây dựng quỹ từ sự ủng hộ, cho mượn không lãi, cho vay lãi suất ưu đãi. Tổ chức huy động vốn trong nông dân, các hộ phi nông nghiệp, các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước của mọi tổ chức và tầng lớp dân cư.

+ Vay Quỹ quốc gia giải quyết việc làm, Ngân hàng phục vụ người nghèo, Quỹ xóa đói giảm nghèo, vay khác trong nước và ngoài nước để hỗ trợ nông dân phát triển sản xuất, cải thiện đời sống.

+ Tổ chức vận động nông dân thực hành tiết kiệm theo mô hình tiết kiệm và hỗ trợ trong Tổ hội, Chi hội.

+ Được nhận vốn tài trợ, ủy thác của Ủy ban nhân dân thành phố, của Trung ương hội.

+ Nhận làm dịch vụ ủy thác cho vay của mọi tổ chức cá nhân ở trong nước và ngoài nước đối với hộ hội viên nông dân.

4.2- Hỗ trợ vốn vay :

+ Hỗ trợ vốn vay ngắn hạn, trung hạn phục vụ kịp thời cho sản xuất -kinh doanh và dịch vụ của hộ nông dân nghèo và hộ nông dân khác phát triển sản xuất, cải thiện đời sống.

+ Tùy theo khả năng nguồn vốn, Quỹ hỗ trợ nông dân với các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội từ thiện trong nước và ngoài nước cùng tham gia những chương trình dự án sản xuất -kinh doanh phục vụ hộ hội viên nông dân.

Điều 5.- Đối tượng cho vay của Quỹ hỗ trợ nông dân là ưu tiên cho hộ nông dân nghèo và các đối tượng hộ nông dân khác có sức lao động nhưng thiếu vốn sản xuất kinh doanh, không phải thế chấp tài sản.

Quỹ hỗ trợ nông dân cho vay hỗ trợ theo hình thức tổ chức Chi hội, Tổ hội do Hội Nông dân tổ chức và ra quyết định thành lập.

Điều 6.- Phương thức cho vay hỗ trợ nông dân :

6.1- Quỹ hỗ trợ nông dân và tổ chức Hội cơ sở xây dựng mô hình “hỗ trợ vốn vay và hình thức tiết kiệm” trong cộng đồng nông dân để xây dựng quỹ vốn và hỗ trợ vốn vay trực tiếp đến hộ nông dân. Đối với những nơi đã có hình thức tổ chức hoạt động tiết kiệm như tổ hợp tác sản xuất tiết kiệm, tổ liên đới trách nhiệm, tổ vay vốn tín chấp, tổ vay vốn theo dự án Quỹ quốc gia giải quyết việc làm, tổ tự quản... thì điều chỉnh nội dung hoạt động theo quy chế mới.

6.2- Quy chế tổ chức quản lý và quy chế hoạt động của “tổ tiết kiệm và hỗ trợ” do Quỹ hỗ trợ nông dân của Hội Nông dân thành phố ban hành và hướng dẫn thực hiện phù hợp với điều lệ và chức năng nhiệm vụ của Hội.

Điều 7.- Quỹ vốn không được sử dụng vào những trường hợp sau đây :

7.1- Không hỗ trợ cho những nơi Tổ hội, Chi hội chưa được củng cố.

7.2- Không được trực tiếp cho từng hộ, từng cá nhân vay khi chưa thông qua Chi hội, Tổ hội, chưa thật sự tự nguyện đăng ký Chi hội, Tổ hội.

7.3- Không được vay quỹ đem cho vay lại để hưởng chênh lệch.

7.4- Không được dùng quỹ làm các việc khác trái với quy định trong điều lệ này.

MỤC II : QUYỀN HẠN

Điều 8.- Tổ chức quản lý của Quỹ hỗ trợ nông dân.

8.1- Quản lý, sử dụng vốn và tài sản được giao.

8.2- Phối hợp với Ngân hàng Nông nghiệp, Ngân hàng phục vụ người nghèo, Quỹ xóa đói giảm nghèo, tổ dự án nhỏ giải quyết việc làm để tổ chức điều hành hoạt động phù hợp với mục tiêu và nhiệm vụ của thành phố giao.

8.3- Phối hợp với các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội từ thiện, trong và ngoài nước cùng cho vay vốn hỗ trợ các chương trình dự án sản xuất -kinh doanh phục vụ hội viên, hộ nông dân nghèo và các đối tượng hộ nông dân khác.

8.4- Tổ chức hoạt động tiết kiệm hỗ trợ và các dịch vụ hỗ trợ khác để phục vụ hội viên nông dân.

8.5- Tổ chức quản lý và khai thác các nguồn lực tại chỗ nhằm tăng trưởng nguồn vốn hỗ trợ trong cộng đồng nông dân.

8.6- Xây dựng, áp dụng các định mức quản lý phù hợp để xác định suất hỗ trợ đối với từng hộ, từng ngành nghề sản xuất -kinh doanh cho từng đối tượng, từng vùng, địa phương trong khuôn khổ nguồn vốn.

Điều 9.- Quyền quản lý tài chính của Quỹ hỗ trợ nông dân : Phí thu được sau khi làm đủ các nghĩa vụ trả lãi đối với các khoản vay, chi phí quản lý, quỹ tự bù đắp rủi ro, số còn lại được trích lập quỹ theo quy định của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam và Ban Thường vụ Hội Nông dân thành phố.

Điều 10.- Được yêu cầu các chi hội, Tổ hội, hội viên nông dân được hỗ trợ vốn vay báo cáo các thông tin về sản xuất -kinh doanh. Có quyền từ chối việc hỗ trợ nếu vốn vay không phải để sản xuất -kinh doanh. Có quyền kiểm tra việc sử dụng vốn vay, có quyền từ chối mọi yêu cầu của bất kỳ cá nhân, hoặc tổ chức nào trái với quy chế này, trừ những khoản tổ chức tự nguyện đóng góp vì mục đích nhân đạo và công ích.

MỤC III : NGHĨA VỤ

Điều 11.- Đối với Nhà nước

11.1- Nhận và sử dụng có hiệu quả, bảo toàn, phát triển vốn và các nguồn lực do Nhà nước giao.

11.2- Tập trung các nguồn lực thực hiện các chương trình hỗ trợ theo dự án được Trung ương Hội Nông dân Việt Nam và Ủy ban nhân dân thành phố giao.

11.3- Thực hiện chế độ thu phí hỗ trợ vốn vay theo nguyên tắc bảo toàn vốn, tự bù đắp chi phí rủi ro nghiệp vụ.

11.4- Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê, kế toán, báo cáo định kỳ theo quy định của Trung ương Hội, của Ủy ban nhân dân thành phố, chịu trách nhiệm về tính xác thực của báo cáo.

11.5- Chấp hành các quy định về thanh tra của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

Điều 12.- Đối với Quỹ hỗ trợ nông dân thành phố và Quỹ hỗ trợ nông dân cấp Huyện, Quận, Xã, Phường, Thị trấn :

12.1- Hoạt động đúng với nội dung giấy phép, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố về kết quả hoạt động và chịu trách nhiệm trước hội viên - nông dân, trước pháp luật về những nghiệp vụ quy định.

12.2- Xây dựng kế hoạch hoạt động hàng năm, 5 năm phù hợp với nhiệm vụ được giao.

12.3- Chịu sự kiểm tra của chủ sở hữu vốn và các nguồn lực khác mà các đối tượng tham gia góp vốn cho Quỹ hỗ trợ nông dân, báo cáo theo yêu cầu của đại diện chủ sở hữu nguồn vốn tài trợ cho Ban Thường vụ Hội nông dân thành phố biết.

Điều 13.- Nghĩa vụ thực hiện tài chính kế toán :

13.1- Thực hiện đúng chế độ và quy định hiện hành của Nhà nước, của Trung ương Hội, của Ủy ban nhân dân thành phố về quản lý vốn tài sản, chịu trách nhiệm về tính xác thực và hợp pháp các hoạt động tài chính của mình.

13.2- Cung cấp các thông tin cần thiết để Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố, Trung ương Hội Nông dân Việt Nam có những đánh giá đúng đắn và khách quan kết quả hoạt động của Quỹ hỗ trợ nông dân.

13.3- Thực hiện các khoản trả lãi, trả vốn gốc cho các chủ sở hữu về vốn đi vay và của các tổ chức, cá nhân đã ủy thác cho Quỹ hỗ trợ nông dân thành phố Hồ Chí Minh.

CHƯƠNG III VỐN HOẠT ĐỘNG

Điều 14.- Nguồn vốn của quỹ được hình thành từ sự ủng hộ, cho mượn không lãi hoặc lãi suất ưu đãi của nông dân, các hộ phi nông nghiệp, các doanh nghiệp, các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước từ sự tài trợ, ủy thác của Nhà nước, các tổ chức quốc tế, tổ chức và người nước ngoài giúp phát triển kinh tế xã hội nông thôn.

Điều 15.- Quỹ hỗ trợ nông dân được bổ sung tăng vốn hàng năm tùy theo quy mô hoạt động bằng nhiều hình thức thích hợp. Vốn quỹ được bảo toàn theo giá trị hạch toán ban đầu bằng tiền đồng Việt Nam (VNĐ).

15.1- Vốn quỹ được sử dụng cho vay hỗ trợ hội viên và nông dân phát triển sản xuất-kinh doanh, dịch vụ.

Điều 16.- Trách nhiệm về quản lý vốn vận động, vốn đi vay và vốn nhận làm dịch vụ ủy thác :

16.1- Vốn vận động, mượn, vay là vốn của chủ sở hữu mà Quỹ hỗ trợ nông dân được quyền sử dụng và có trách nhiệm hoàn trả đúng hạn cả gốc và lãi.

- Vốn vận động bao gồm :
 - + Tiền ủng hộ không hoàn lại của mọi tổ chức, mọi tầng lớp dân cư trong nước và ngoài nước.
 - + Tiền cho mượn (không lãi) có kỳ hạn của các tổ chức kinh tế-xã hội và mọi tầng lớp dân cư trong nước và ngoài nước.
 - + Tiền vận động tiết kiệm có kỳ hạn, không kỳ hạn trong cộng đồng nông dân.

16.2- Vốn vay trong nước và ngoài nước :

+ Vay các tổ chức cá nhân trong nước.

+ Vay các tổ chức cá nhân ngoài nước.

+ Vay Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng phục vụ người nghèo, Quỹ quốc gia giải quyết việc làm, Quỹ xóa đói giảm nghèo, chương trình dự án, và các chương trình tín dụng ưu đãi khác,...

16.3- Nhận vốn ủy thác cho vay của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam, của Ủy ban nhân dân thành phố, các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước.

16.4- Các loại vốn khác được hình thành trong hoạt động của Quỹ hỗ trợ nông dân được sử dụng theo quy định của điều lệ này.

CHƯƠNG IV

TỔ CHỨC - QUẢN LÝ - ĐIỀU HÀNH

Điều 17.- Quỹ hỗ trợ nông dân được thành lập ở 3 cấp : Thành phố, Huyện-Quận và Xã-Phường-Thị trấn có sản xuất nông nghiệp.

17.1- Ban Thường vụ Hội Nông dân thành phố, Quận, Huyện, Phường, Xã, Thị trấn là cơ quan lãnh đạo trực tiếp của Quỹ hỗ trợ nông dân ở mỗi cấp. Ban Thường vụ Hội Nông dân thành phố có trách nhiệm quản lý thống nhất Quỹ hỗ trợ nông dân ở cả 3 cấp.

17.2- Quỹ hỗ trợ nông dân có chế độ hạch toán thống kê độc lập của cả hệ thống và thống nhất từ thành phố đến cơ sở.

17.3- Ban Thường vụ Hội Nông dân thành phố, Huyện, Quận, Xã, Phường, Thị trấn có quyền hạn và trách nhiệm :

- Tổ chức Ban chỉ đạo, Ban vận động-Ban Kiểm soát-Ban điều hành, trình Cấp ủy, Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét ra quyết định thành lập.

- Xây dựng kế hoạch vận động Quỹ hỗ trợ nông dân hàng năm và 5 năm.

- Xem xét phê duyệt các công việc do Trưởng Ban điều hành trình hàng năm về :

+ Kế hoạch hỗ trợ vốn vay và kế hoạch tài chính.

+ Xử lý các rủi ro trong quá trình hoạt động.

+ Quyết toán tài sản và tài chính hàng năm.

- Ban hành các văn bản qui định về qui trình, quy chế hoạt động, công tác tổ chức và cán bộ, chế độ nghiệp vụ, cơ chế tài chính nội bộ, mức thu phí, hoa hồng, tiền thưởng, tiền phạt đối với các hoạt động nghiệp vụ.

- Phê duyệt báo cáo hàng năm của Trưởng ban kiểm soát.

- Xem xét việc khởi kiện hoặc bị kiện liên quan đến quỹ hỗ trợ nông dân.

- Chấp hành chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất theo quy định.

- Tổ chức nghiên cứu các mô hình hỗ trợ kinh tế-xã hội, tổng hợp phân tích góp phần vào việc xem xét, ban hành, sửa đổi, bổ sung những chính sách về vận động vốn, về hỗ trợ, thu phí và những chương trình dịch vụ hỗ trợ cho nông dân phát triển kinh tế.

- Được ký kết các văn bản, thỏa ước, hợp đồng về :

+ Nhận vốn, vay vốn từ các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước được Ủy ban nhân dân thành phố cho phép.

+ Nhận làm dịch vụ ủy thác đối với các tổ chức, các chủ dự án có vốn đầu tư cho nông dân.

+ Hợp tác với các ngành chức năng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý quỹ và các “tổ hợp tác vay vốn hỗ trợ và tiết kiệm”.

- Chịu trách nhiệm giữa Quỹ hỗ trợ nông dân Trung ương và Ủy ban nhân dân thành phố với các bên có liên quan.

- Giám sát việc điều hành của Trưởng ban và việc chấp hành của các Ban, bộ phận chuyên môn nghiệp vụ các cấp.

Điều 18.- Ban điều hành Quỹ hỗ trợ nông dân làm nhiệm vụ tiếp nhận, điều hòa vốn, quản lý vốn, tài sản, hỗ trợ vốn vay, thu nợ theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và những hướng dẫn cụ thể của Quỹ hỗ trợ nông dân Trung ương và Ban Thường vụ Hội Nông dân thành phố qui định.

18.1- Điều hành Quỹ hỗ trợ nông dân các cấp là Trưởng ban, giúp việc Trưởng ban có các phó Trưởng ban. Trưởng ban và các Phó Trưởng ban do Ban Thường vụ đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố ra quyết định bổ nhiệm.

18.2- Kế toán trưởng của Quỹ hỗ trợ nông dân do Ban Thường vụ Hội Nông dân ra quyết định bổ nhiệm có quyền hạn và trách nhiệm theo Pháp lệnh kế toán thống kê, các quy định hiện hành của Nhà nước và hướng dẫn của Quỹ hỗ trợ nông dân Trung ương.

18.3- Cán bộ và nhân viên Quỹ hỗ trợ nông dân được giao nhiệm vụ chuyên trách làm việc cho bộ phận điều hành ở các cấp được Quỹ hỗ trợ nông

dân trả lương, trả thưởng, các khoản phụ cấp khác theo chế độ Quỹ hỗ trợ nông dân.

Điều 19.- Trưởng Ban điều hành Quỹ hỗ trợ nông dân có trách nhiệm và quyền hạn :

19.1- Tổ chức điều hành hoạt động nghiệp vụ của Quỹ hỗ trợ nông dân theo quyết định của Ban thường vụ Hội nông dân thành phố qui định. Và các chủ trương chính sách của Ủy ban nhân dân thành phố.

19.2- Được ban hành các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ.

+ Vận động vốn và hỗ trợ vốn vay.

+ Nội quy quản lý các mặt nghiệp vụ, quản lý lao động và tổ chức.

+ Tổ chức đào tạo tay nghề, phổ biến các chủ trương, chính sách, quy chế về nghiệp vụ.

+ Kiểm tra đôn đốc thực hiện.

+ Xây dựng kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính hàng năm trình Ban thường vụ Hội phê duyệt và tổ chức thực hiện.

+ Sơ kết, tổng kết các hoạt động theo định kỳ và đột xuất, đánh giá phạm vi ảnh hưởng của các hoạt động trình Thường vụ. Hàng tháng có văn bản thông báo tóm tắt tình hình và kết quả hoạt động gửi các thành viên trong Ban thường vụ biết để chỉ đạo.

19.3- Chịu trách nhiệm trực tiếp quản lý tài sản, vốn hoạt động và bảo toàn vốn, phát triển vốn, tài sản của quỹ.

19.4- Chịu trách nhiệm về những cam kết của mình đối với hội viên nông dân.

19.5- Được trực tiếp ký các văn bản thỏa ước, hợp đồng, chứng thư Quỹ hỗ trợ nông dân trong công tác đối nội, đối ngoại sau khi có ý kiến chuẩn y của Ban Thường vụ, Chủ tịch Hội Nông dân thành phố và chịu trách nhiệm về các quyết định của mình.

19.6- Đại diện pháp nhân Quỹ hỗ trợ nông dân trước pháp luật trong việc tố tụng, tranh chấp, thanh lý, giải thể và quan hệ có liên quan đến trách nhiệm điều hành về hoạt động nghiệp vụ.

19.7- Những vấn đề phát sinh mới trong điều hành vượt quá quyền hạn của mình phải báo cáo cho Chủ tịch Hội xem xét, quyết định mới được thực hiện. Trưởng ban điều hành được quyền bảo lưu các ý kiến trái với các quyết định của Ban Thường vụ cùng cấp nếu xét thấy các quyết định đó trái với pháp luật và trái

với điều lệ, quy chế hoạt động của Ban Thường vụ và Quỹ hỗ trợ nông dân cùng cấp.

Điều 20.- Các thành viên Ban thường vụ, các cán bộ quản lý được phân công kiêm nhiệm ở mỗi cấp các cơ quan quản lý Nhà nước, các doanh nghiệp, các đoàn thể, các ngành có liên quan và cá nhân... tham gia hoạt động trong Quỹ hỗ trợ nông dân là hoạt động bán chuyên trách không hưởng chế độ quyền lợi như lương, phụ cấp, trợ cấp của Quỹ hỗ trợ nông dân. Tùy theo khả năng tài chính của mình. Quỹ hỗ trợ nông dân có thể trả thù lao công vụ, khen thưởng cho các đối tượng trên.

CHƯƠNG V

MỐI QUAN HỆ CỦA QUỸ HỖ TRỢ NÔNG DÂN VỚI HỆ THỐNG TỔ CHỨC HỘI, HỘI VIÊN NÔNG DÂN, CƠ QUAN NHÀ NƯỚC VÀ CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

Điều 21.- Quan hệ với hệ thống tổ chức hội và hội viên nông dân.

21.1- Tổ chức huấn luyện đào tạo, hướng dẫn cho cán bộ, hội viên xây dựng mô hình kinh tế hợp tác từ thấp đến cao.

21.2- Quỹ hỗ trợ nông dân chịu trách nhiệm đối với cán bộ, hội viên, nông dân :

+ Về vật chất đối với tài sản, tiền vốn và các cam kết của Quỹ hỗ trợ nông dân.

+ Giữ bí mật số liệu tiền gửi cho các đối tượng ký quỹ, tạo thuận lợi cho hoạt động của cán bộ Chi hội, Tổ hội và hội viên nông dân với Quỹ hỗ trợ nông dân theo quy định của pháp luật.

+ Quỹ hỗ trợ nông dân có trách nhiệm thực hiện đúng các cam kết của mình đối với hộ hội viên, Chi hội, Tổ hội vay vốn hỗ trợ.

21.3- Cán bộ hội các cấp, hội viên nông dân chịu trách nhiệm với Quỹ hỗ trợ nông dân :

+ Thực hiện thể lệ, chế độ gửi tiền tiết kiệm và chế độ hỗ trợ vốn vay của Quỹ hỗ trợ nông dân.

+ Sử dụng đúng mục đích xin vay và hoàn trả nợ cả gốc và lãi đúng kỳ hạn. Tham gia tổ tiết kiệm vay vốn trong cộng đồng nông dân để hỗ trợ giúp đỡ cho nhau trong sản xuất -kinh doanh, giám sát việc sử dụng vốn vay và đồng chịu trách nhiệm trả nợ Quỹ hỗ trợ nông dân.

Điều 22.- Quan hệ với ngân hàng :

22.1- Hội Nông dân với Ngân hàng là 2 pháp nhân thực hiện các mối quan hệ kinh tế thông qua hợp đồng được ký kết giữa Ban điều hành Quỹ hỗ trợ nông dân với Ngân hàng. Quỹ hỗ trợ nông dân trả phí dịch vụ cho Ngân hàng theo định mức do Nhà nước quy định.

Điều 23.- Quan hệ với Quỹ xóa đói giảm nghèo và các loại quỹ khác :

23.1- Quỹ hỗ trợ nông dân với Quỹ xóa đói giảm nghèo và các loại quỹ khác thực hiện các mối quan hệ kinh tế - xã hội vì mục tiêu xóa đói giảm nghèo thông qua hợp đồng được ký kết do Quỹ hỗ trợ nông dân với Ban chỉ đạo xóa đói giảm nghèo.

Điều 24.- Quan hệ với cơ quan tài chính Nhà nước ;

24.1- Thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước ngoài các khoản được miễn trừ.

24.2- Chấp hành chế độ tài chính kế toán và trình duyệt quyết toán hàng năm.

24.3- Được nhận ủy thác vốn và các dịch vụ tín dụng ưu đãi từ Nhà nước và các tổ chức khác.

Điều 25.- Quan hệ với đoàn thể và hội đoàn :

25.1- Các tổ chức đoàn thể, hội đoàn khác trong cộng đồng dân cư vận động hội viên, đoàn viên của mình cùng thực hiện chủ trương đoàn kết phát triển sản xuất để cùng nhau góp phần giảm nghèo và làm giàu.

- Cùng tham gia xây dựng chính sách, kiểm tra, giám sát hoạt động của Quỹ hỗ trợ nông dân.

- Kêu gọi vốn của các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước ủng hộ và đồng tài trợ giúp đỡ cho Quỹ hỗ trợ nông dân đi vào hoạt động có hiệu quả.

- Phối hợp tổ chức chỉ đạo củng cố xây dựng các “tổ tiết kiệm và hỗ trợ”.

- Quỹ hỗ trợ nông dân luôn tôn trọng và không can thiệp vào các hoạt động riêng của các đoàn thể khác.

Điều 26.- Mối quan hệ với Cấp ủy, Ủy ban nhân dân Quận, Huyện, Phường, Xã :

Cấp ủy, Ủy ban nhân dân các cấp phối hợp với Hội Nông dân cùng cấp chỉ đạo xây dựng và phát triển Quỹ hỗ trợ nông dân theo các văn bản của Trung ương và Thành phố.

Điều 27.- Quan hệ với các tổ chức và các cá nhân trong và ngoài nước :

Quỹ hỗ trợ nông dân ký kết các hợp đồng vay vốn, nhận tài trợ vốn, kỹ thuật, đào tạo nhân viên, tham gia các hoạt động vì mục đích nhân đạo theo quy định hiện hành của Nhà nước trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác.

CHƯƠNG VI HẠCH TOÁN QUỸ

Điều 28.- Năm tài chính của Quỹ hỗ trợ nông dân bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm. Tổ chức hạch toán kế toán, thu nhập, chi phí, trích lập quỹ theo đúng quy định của Nhà nước và những hướng dẫn cụ thể của Trung ương Hội và Ban Thường vụ Hội Nông dân thành phố.

Điều 29.- Trích lập các quỹ.

- Quỹ hỗ trợ nông dân được trích lập các quỹ từ việc thu phí sau khi trừ các khoản chi phí hoạt động theo quy định của Trung ương Hội và Ban Thường vụ Hội Nông dân thành phố :

- + Quỹ dự trữ đề phòng rủi ro.
- + Quỹ phát triển kỹ thuật nghiệp vụ.
- + Quỹ phúc lợi.
- + Quỹ khen thưởng.

Điều 30.- Các trường hợp xử lý :

30.1- Trường hợp nợ kéo dài không thực hiện việc chi trả theo hợp đồng thì xử lý theo pháp luật hiện hành.

30.2- Trường hợp cá biệt người được hỗ trợ vốn vay gặp rủi ro trong sản xuất kinh doanh không còn khả năng trả nợ, người bị chết, không còn người thừa kế theo luật định, thì được tập thể Chi hội, Tổ hội xem xét bù đắp bảo toàn vốn từ quỹ dự trữ đề phòng rủi ro.

CHƯƠNG VII TỐ TỤNG - TRANH CHẤP - THANH LÝ - GIẢI THỂ

Điều 31.- Mọi tranh chấp và tố tụng của Quỹ hỗ trợ nông dân với hội viên nông dân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động của Quỹ được xử lý theo pháp luật hiện hành.

Trưởng Ban điều hành là đại diện pháp nhân của Quỹ hỗ trợ nông dân, chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Hội Nông dân thành phố về việc điều hành Quỹ hỗ trợ nông dân.

Điều 32.- Việc tổ chức lại hoặc giải thể Quỹ hỗ trợ nông dân được thi hành theo quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố, Trung ương Hội Nông dân Việt Nam.

CHƯƠNG VIII ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 33.- Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 34.- Các điều khoản trong điều lệ này chỉ được sửa đổi, bổ sung khi được Chủ tịch Hội Nông dân thành phố kiến nghị trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.-

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ